

Bản án số: 176/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 21 - 12 - 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Đăng

Ông Trần Huy Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị M, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

**- Bị đơn:** Ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã N P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:**

Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Thanh T tự nguyện làm đám cưới, chung sống với nhau năm 2007 đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm, không có sự thống nhất trong việc tính toán làm ăn, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hàn gắn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Thanh T.

Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Trọng Ph, sinh ngày 22/8/2007 và Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 13/07/2011 hiện sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi người con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trịnh Thanh T đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M đối với ông Trịnh Thanh T; giao con chung tên Trịnh Trọng Ph và Trịnh Thị Ngọc H cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng; buộc ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung Trịnh Trọng Ph và Trịnh Thị Ngọc H mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho khi các con đủ 18 tuổi; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Thanh T tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà M yêu cầu xin vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà M, ông T theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Trịnh Thanh T làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007 đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà M và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà M yêu cầu ly hôn với ông T vì bà M xác định quá trình chung vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm, từ đó tình cảm không còn gắn bó, yêu thương nhau. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà M và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà M và ông T không thể tiếp tục, mục đích

hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị M và ông Trịnh Thanh T có hai con chung tên Trịnh Trọng Ph, sinh ngày 22/8/2007 và Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 13/07/2011. Xét thấy, bà M yêu cầu nuôi con và con chung hiện do bà M đang nuôi dưỡng, ông T không có ý kiến gì đối với việc bà M yêu cầu nuôi con, hai con chung Trịnh Trọng Ph và Trịnh Thị Ngọc H cũng có nguyện vọng sống chung với bà M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao con chung tên Trịnh Trọng Ph và Trịnh Thị Ngọc H cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì đối với việc bà M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Căn cứ vào điều luật đã viện dẫn Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị M. Buộc ông Trịnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung Trịnh Trọng Ph, sinh ngày 22/8/2007 và Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 13/07/2011 mỗi người con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi mỗi người con chung tròn 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có, ông T không có ý kiến gì đối với việc bà M xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Trịnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị M. Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Trịnh Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trịnh Trọng Ph, sinh ngày 22/8/2007 và Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 13/07/2011 cho bà Lê Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trịnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung Trịnh Trọng Ph, sinh ngày 22/8/2007 và Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 13/07/2011 mỗi người con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi mỗi người con chung tròn 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với khoản tiền phải cấp dưỡng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí:

Bà Lê Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Lê Thị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010677 ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Ông Trịnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mộng Chi**

